

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 40 ngày 01 tháng 01 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

Tên chương trình: Ngôn ngữ Anh Thương mại

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh Thương mại; Mã số: 7 22 02 01

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Ngôn ngữ Anh Thương mại, có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khoẻ tốt, đáp ứng được yêu cầu xã hội và của nền kinh tế hội nhập quốc tế.
- Cung cấp cho sinh viên kiến thức rộng tương đối rộng về ngôn ngữ Anh, văn hóa, xã hội và văn học Anh-Mỹ.
- Rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh ở mức độ tương đối thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội và chuyên môn thông thường.
- Bảo đảm cho sinh viên đạt được trình độ nghiệp vụ đủ để hoạt động và công tác có hiệu quả trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh và thương mại quốc tế; có kiến thức kinh tế, kinh doanh và quản lý cần thiết để thích ứng với môi trường kinh doanh quốc tế; hiểu biết về văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và phong tục của các nước bản ngữ.
- Trang bị cho sinh viên kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học tập nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực thực hành tiếng, bước đầu hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các vấn đề thuộc các lĩnh vực hoạt động kinh doanh và thương mại quốc tế; có kiến thức kinh tế, kinh doanh và quản lý cần thiết để thích ứng với môi trường kinh doanh quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Hoàn thành chương trình đào tạo sinh viên có kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau:

- Lập trường chính trị tư tưởng vững vàng;
- Ý thức tổ chức kỷ luật tốt;
- Hiểu biết về các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân;
- Có hiểu biết về văn hóa - xã hội, kinh tế và pháp luật;
- Có đủ sức khỏe để làm việc;
- Sinh viên được trang bị đầy đủ kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành, có kỹ năng thực hành về chuyên ngành tiếng Anh thương mại;

1.2.1. Kiến thức

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Ngôn ngữ Anh (Thương mại): được trang bị những kiến thức chung về Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kiến thức đại cương làm kiến thức nền cho cử nhân khoa học ngành Tiếng Anh, những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ Anh (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa), văn hoá, văn học, văn minh các nước nói tiếng Anh chính như Anh, Mỹ và những kiến thức về chuyên môn thuộc ngành thương mại ở mức độ cơ bản.
- Sinh viên có được kiến thức giáo dục đại cương, bao gồm các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê nin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Trình độ ngoại ngữ và tin học đạt tối thiểu sau: có chứng chỉ ngoại ngữ thứ hai đạt quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ và đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường.

1.2.2. Kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp
 - Có kỹ năng giao tiếp tiếng Anh ở mức độ tương đối thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội và chuyên môn thông thường.
 - Có kỹ năng nghe và nói tiếng Anh tương đối thành thạo đáp ứng được yêu cầu về chuẩn tiếng anh cần có đối với các vị trí trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh và thương mại quốc tế.
 - Có kỹ năng sử dụng thành thạo các ứng dụng tin học văn phòng như microsoft như word, excel, powerpoint.
 - Có kỹ năng giao tiếp tốt trước công chúng bằng tiếng Anh và tiếng Việt.
 - Có kỹ năng giải quyết một số vấn đề thuộc nghiệp vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh và thương mại quốc tế.
- Kỹ năng mềm
 - Làm việc độc lập.
 - Làm việc theo nhóm và với cộng đồng.
 - Giao tiếp và truyền đạt thông tin trong lĩnh vực chuyên môn.
 - Thu thập, xử lý thông tin để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn.
 - Sử dụng tin học phục vụ công việc chuyên môn và quản lý.

1.2.3. Thái độ

- Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng;
- Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt;
- Có sự tôn trọng các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân;
- Có ý thức tôn trọng các giá trị văn hóa - xã hội, kinh tế và pháp luật;
- Tích cực thể hiện ý kiến, quan điểm phản biện cá nhân nhằm mục đích góp ý xây dựng

- Có thái độ tự giác xây dựng kế hoạch cá nhân;
- Có tinh thần hợp tác và ham học hỏi, luôn có ý thức tự học, tự trao đổi kiến thức và năng lực của bản thân

1.2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Đào tạo sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh (Thương mại) có đủ kiến thức và kỹ năng để có thể làm việc tốt ở các vị trí sau:

- Các doanh nghiệp trong nước;
- Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;
- Các văn phòng đại diện;
- Các tổ chức quốc tế;
- Các tổ chức kinh tế và tài chính trong nước, quốc tế và khu vực.

Ngoài ra nếu vì những lý do khác, sinh viên không thể hoặc không muốn làm việc trong chuyên ngành đã được đào tạo, sinh viên vẫn có thể làm việc trong các doanh nghiệp có nhu cầu về nhân viên được trang bị kỹ năng tiếng Anh tốt.

1.2.5. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học:

Có khả năng giao tiếp bằng Tiếng Anh; có trình độ ngoại ngữ 2 đạt một trong số các ngôn ngữ sau: Ngôn ngữ Pháp: đạt chuẩn tương đương DELF 1; Ngôn ngữ Trung: đạt chuẩn tương đương HSK cấp 3; Ngôn ngữ Nga: đạt chuẩn tương đương TRKI-1; có khả năng ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong lĩnh vực văn phòng.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam vào công việc và cuộc sống.

2.1.2. Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn các kiến thức cơ sở ngành làm kiến thức nền cho cử nhân khoa học ngành Ngôn ngữ Anh (Thương mại), những kiến thức cơ bản về các hình diện ngôn ngữ Anh (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa), văn hoá, văn học, văn minh các nước nói tiếng Anh chính như Anh, Mỹ và những kiến thức về chuyên môn thuộc ngành thương mại ở mức độ cơ bản.

2.1.3. Hiểu và vận dụng được hệ thống kiến thức về tin học cơ bản vào thực tiễn cuộc sống.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Anh (nghe-nói-đọc-viết) ở mức độ tương đối thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội và chuyên môn thông thường. Kỹ năng sử dụng tiếng Anh đạt chuẩn tương đương IELTS 6.5.

2.2.2. Có kỹ năng nghe và nói tiếng Anh tương đối thành thạo đáp ứng được yêu cầu về chuẩn tiếng anh cần có đối với các vị trí trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh và thương mại quốc tế.

2.2.3. Có các kỹ năng mềm cần thiết để đáp ứng yêu cầu công việc như: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và với cộng đồng, giao tiếp và truyền đạt thông tin trong lĩnh vực chuyên môn, thu thập, xử lý thông tin.

2.2.4. Sử dụng thành thạo máy tính, tin học cơ bản và tin học văn phòng, đạt tối thiểu chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.

2.2.5. Có trình độ ngoại ngữ 2 đạt một trong số các ngôn ngữ sau: Ngôn ngữ Pháp: đạt chuẩn tương đương DELF 1; Ngôn ngữ Trung: đạt chuẩn tương đương HSK cấp 3; Ngôn ngữ Nga: đạt chuẩn tương đương TRKI-1.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo;

2.3.2. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;

2.3.3. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

2.3.4. Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

2.3.5. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;

2.3.6. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể;

2.3.7. Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

HỌC KÌ	MÃ HP	TÊN HP	KIẾN THỨC										KỸ NĂNG						NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM					
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	2.3.5	2.3.6	2.3.7							
1	F06001	Nghe 1A		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
	F06002	Đọc 1A		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
	F06003	Nói 1A		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
	F06031	Ngữ pháp 1		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
	F06005	Ngữ âm thực hành		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
	A05001	Những NLCB của CN Mác - Lenin 1	x							x				x	x	x	x	x	x	x	x	x		
	A05008	Giáo dục thể chất 1	x						x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
	Z05001	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	x						x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
	G05097	Tin học cơ sở							x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
	B06002	Kinh tế vĩ mô		x				x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
2	F06032	Ngữ pháp 2		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
	F06007	Nói 1B		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
	F06008	Viết 1		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
	F06009	Nghe 1B		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
	F06010	Đọc 1B		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		

HỌC KÌ	MÃ HP	TÊN HP	Kiến thức							Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm						
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	2.3.5	2.3.6	2.3.7						
	A05002	Những NLCB của CN Mác - Lenin 2	x			x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
	A05009	Giáo dục thể chất 2	x			x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
	Z05002	Công tác quốc phòng và an ninh	x			x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
	B06001	Kinh tế vi mô		x						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
		Chọn 1 trong 4 học phần								x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
	A05013	Thực hành văn bản tiếng Việt (2TC)			x					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
	H06001	Sinh thái học môi trường (2TC)		x					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
	B06042	Giao dịch thương mại quốc tế (2 TC)	x				x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
	A05015	Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 TC)	x				x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
	F06012	Ngữ pháp 3	x		x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
	F06213	Viết 2 (business)	x		x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
	F06014	Nói 2A	x		x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
3	F06015	Nghe 2A	x		x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
	F06016	Đọc 2A	x		x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
	A05003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x				x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

HỌC KÌ	MÃ HP	TÊN HP	CHUẨN ĐÀU RA															
			Kiến thức			Kỹ năng			Năng lực tự chủ và trách nhiệm									
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	2.3.5	2.3.6	2.3.7	
	A05010	Giáo dục thể chất 3	x			x			x		x	x	x	x	x	x	x	x
	Z05003	Quản sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn	x			x			x		x	x	x	x	x	x	x	x
	F06017	Nói 2B		x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x
	F06218	Viết 3 (business)	x		x	x			x		x	x	x	x	x	x	x	x
	F06019	Nghe 2B	x		x	x			x		x	x	x	x	x	x	x	x
	F06020	Đọc 2B	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
	A05004	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
4	F07205	Tổng quan về kinh tế thương mại	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
	Z05004	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	x				x			x	x	x	x	x	x	x	x	x
	F05007	Tiếng Trung 1				x			x		x	x	x	x	x	x	x	x
	F05008	Tiếng Pháp 1				x			x		x	x	x	x	x	x	x	x
	F05009	Tiếng Nga 1				x			x		x	x	x	x	x	x	x	x
	F06022	Nói 3A	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	F06023	Nghe 3A	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x

Chọn 1 trong 3 học phần

HỌC KÌ	MÃ HP	TÊN HP	CHUẨN ĐẦU RA												
			Kiến thức			Kỹ năng			Năng lực tự chủ và trách nhiệm						
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	2.3.5
	F06024	Đọc 3A	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	F07206	Ngôn ngữ kinh tế thương mại 1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	F07005	Lý Thuyết Dịch	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	F07016	Văn hóa Anh – Mỹ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	A05005	Pháp luật đại cương	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Chọn 1 trong 3 học phần															
	F05018	Tiếng Trung 2				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	F05019	Tiếng Pháp 2				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	F05020	Tiếng Nga 2				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	F06025	Nói 3B	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	F06026	Nghe 3B	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	F06027	Đọc 3B	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6	F07207	Ngôn ngữ kinh tế thương mại 2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	F27228	Biên phiên dịch 1 (thương mại)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	F27004	Dẫn luận ngôn ngữ học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	F07015	Văn học Anh – Mỹ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

HỌC KÌ	MÃ HP	TÊN HP	CHUẨN ĐẦU RA															
			Kiến thức			Kỹ năng			Năng lực tự chủ và trách nhiệm									
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	2.3.5	2.3.6	2.3.7	
Chọn 1 trong 3 học phần																		
F25004	Tiếng Trung 3														x	x	x	x
F25005	Tiếng Pháp 3							x						x	x	x	x	x
F25006	Tiếng Nga 3							x					x	x	x	x	x	x
F07120	Ngoại khóa Tiếng Anh		x			x		x					x	x	x	x	x	x
F07208	Nguyên lý Marketing	x		x		x		x					x	x	x	x	x	x
F07008	Cú pháp và ngữ nghĩa học	x		x		x		x					x	x	x	x	x	x
Chọn 5 trong 8 học phần																		
F27218	Bảo hiểm trong kinh doanh (2TC)	x			x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x
F27229	Biên phiên dịch 2 (Thương mại) (2TC)		x		x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x
F27221	Logistics và vận tải quốc tế (2TC)	x		x	x	x					x	x	x	x	x	x	x	x
F27222	Quản trị nhân sự (2TC)	x		x	x	x					x	x	x	x	x	x	x	x
F27223	Tuyển dụng và phát triển (2TC)	x		x	x	x					x	x	x	x	x	x	x	x
F27224	Nghệ thuật lãnh đạo (2TC)	x		x	x	x					x	x	x	x	x	x	x	x
F27226	Quan hệ lao động	x		x	x	x					x	x	x	x	x	x	x	x

HỌC KÌ.	MÃ HP	TÊN HP	CHUẨN ĐẦU RA													
			Kiến thức			Kỹ năng			Năng lực tự chủ và trách nhiệm							
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	2.3.5	2.3.6
		(2TC)														
F27227		Phát triển kỹ năng (2TC)	x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
F27225		Khóa luận tốt nghiệp (8 TC)		x		x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
F27001		Phương pháp nghiên cứu khoa học Anh văn (2TC)		x		x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
Hoặc chọn học 4 học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp sau đây																
8	F27213	Thanh toán quốc tế (3 TC)	x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F27214	Quan hệ kinh doanh quốc tế (3 TC)	x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F27215	Tài chính (2 TC)	x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
	F27216	Kinh tế quốc tế (2 TC)	x		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

120 tín chỉ (Không kể khối lượng kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh).

CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH

KHỐI KIẾN THỨC	Tổng		Kiến thức Bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
I. Kiến thức giáo dục đại cương	29	24,2	21	72,4	8	27,6
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	91	75,8	71	78,0	20	22,0
• Kiến thức cơ sở ngành	50	54,9	50	100	0	0
• Kiến thức chuyên ngành	31	34,1	21	67,7	10	32,3
• Khoa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	11	0	0	10	100
Cộng	120	100				

4. Đối tượng tuyển sinh

Mọi công dân Việt Nam, người nước ngoài không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế nếu có đủ điều kiện sau đây đều có thể dự thi vào ngành Ngôn ngữ Anh thương mại. Cụ thể:

- Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khoẻ để học tập và lao động theo quy định hiện hành.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 277/QĐ-ĐHKG ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kiên Giang.

6. Cách thức đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ và điểm tín chỉ.

7. Nội dung chương trình

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú (Tiên quyết)
			L T	T H	Tự học	
1. Kiến thức giáo dục đại cương						
1. A05001	Những NLCB của CN Mác – Lênin 1	Học phần giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin, thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử.	30	0	60	
2. A05002	Những NLCB của CN Mác – Lênin 2	Học phần giới thiệu về Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội. Qua đó, học phần giúp người học: nắm được căn bản về Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa Mác-Lênin, phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin; vận dụng được phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin vào đời sống; vận dụng được học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-lênin vào thực tế.	45	0	90	A05001
3. A05003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những Chủ đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa; là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể nước ta, đồng thời là sự kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.	30	0	60	A05002
4. A05004	Đường lối cách mạng của DCS Việt Nam	Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự ra đời của Đảng, về đấu tranh giành	45	0	90	A05003

			chính quyền, kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, và về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.			
5. A05005	Pháp luật đại cương		Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Nhà nước và Pháp luật, quy phạm pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật; hiện tượng vi phạm pháp luật và biện pháp cưỡng chế đối với các chủ thể vi phạm pháp luật; nội dung các ngành luật cơ bản và quan trọng của nhà nước Việt Nam hiện nay; nhằm rèn luyện cho người học sống và làm việc theo pháp luật.	30	0	60
6. B06001	Kinh tế vi mô		Học phần cung cấp cho người học những kiến thức kinh tế vi mô cơ bản: kinh tế học vi mô và những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp; cung cầu và giá cả hàng hóa; hành vi của doanh nghiệp và người tiêu dùng; lý thuyết về các loại hình thị trường và sự lựa chọn tối ưu của doanh nghiệp; và vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường tác động đến hoạt động kinh tế vi mô.	45	0	90
7. B06002	Kinh tế vĩ mô		Học phần này nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm các nguyên lý cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, cũng như những nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô, giới thiệu những tư tưởng trung tâm về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.	45	0	90
8. G05097	Tin học cơ sở		Học phần nêu tổng quan về công nghệ thông tin, biểu diễn và xử lý thông tin trên máy tính điện tử, tổng quan về máy tính; mạng máy tính và Internet; cách sử dụng hệ điều hành; sử dụng bộ phần mềm văn phòng; cách sử dụng thành thạo hệ điều hành Microsoft Windows, phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel, phần mềm tạo	30	30	60

		bản thuyết trình MicrosoftPowerPoint và cách sử dụng các dịch vụ Internet để tìm kiếm, trao đổi thông tin.			
9. A05008	Giáo dục thể chất 1	<p>Môn Điện kinh được giới thiệu trong học phần GDTC 1. Một số kiến thức được cung cấp như: khi tập luyện Điện kinh sẽ tác động đến các tổ chức của các cơ quan trong cơ thể người tập, giúp người tập phát triển sức khỏe và các tố chất thể lực; đặc biệt khi tập chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, sẽ giúp người tập phát triển sức nhanh, sức bền, dẻo - khéo léo và khả năng phối hợp vận động; ngoài ra tập luyện Điện kinh còn là một quá trình rèn luyện, bồi dưỡng con người phát triển toàn diện về phẩm chất tâm lý – ý chí, ý thức, tính kiên trì và dũng cảm...</p> <p>Học phần giúp người học nắm được nguyên lý kỹ thuật và kỹ chiến thuật của chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, để áp dụng vào trong giảng dạy, huấn luyện và trong thi đấu.</p> <p>Học phần trang bị đầy đủ cho người học về phương pháp giảng dạy, cách tập luyện Điện kinh và những điểm cơ bản trong luật Điện kinh.</p>	0	30	60
10. A05009	Giáo dục thể chất 2	Học phần giới thiệu các nội dung môn Bóng chuyền, môn học được đưa vào trường học nhằm mục đích tăng cường thể chất cho học sinh, sinh viên. Hiện nay các nội dung Bóng chuyền được đưa vào đào tạo giáo dục thể chất tự chọn và đem lại hiệu quả cao trong công tác giáo dục thể chất trong nhà trường.	0	30	60 A05008
11. A05010	Giáo dục thể chất 3	<p>Cầu lông: Khi tham gia học môn cầu lông, giảng viên truyền đạt từng động tác kỹ thuật thông qua những buổi lên lớp đến sinh viên, giúp sinh viên nắm bắt được kỹ thuật.</p> <p>Bóng đá: Người học có thể nắm được lịch sử môn bóng đá, những lợi ích do tập luyện môn bóng đá đem lại; hiểu và nắm một số điều luật của bóng đá 5 người, 11 người cũng như phương pháp tổ chức một giải đấu.</p>	0	30	60 A05009

12. Z05001	Dường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, những quan điểm cơ bản của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chiến tranh nhân dân, hiểu biết về nguồn gốc, bản chất chiến tranh, nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng. - Trang bị những kiến thức cơ bản về âm mưu thù đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, về chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; những nội dung chủ yếu địch lợi dụng Chủ đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam. - Trang bị kiến thức về chiến tranh công nghệ cao, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, động viên công nghiệp quốc phòng, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam. 	30	0	60
13. Z05002	Công tác quốc phòng và an ninh	Giúp người học hiểu được những kiến thức cơ bản về phòng chống âm mưu diễn biến hòa bình; cách thức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ; chủ quyền biển đảo; các vấn đề về dân tộc, tôn giáo; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; bảo vệ an ninh trật tự và phòng chống tội phạm.	30	0	60 Z05001 (2)
14. Z05003	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn	Giúp người học nắm và thực hành được những kiến thức, kỹ năng kỹ, chiến thuật quân sự cơ bản, cần thiết như: bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; đặc điểm tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội	20	65	170 Z05002 (2)

		hình khối; chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự; thực hành kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK. Nội dung gồm: sử dụng bản đồ địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; cấp cứu ban đầu các vết thương chiến tranh; đội ngũ đơn vị; từng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự; kỹ thuật bắn súng bài 1b tiêu liên AK.			
15. Z05004	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	Hiểu được cách tổ chức lực lượng quân, binh chủng và lịch sử quân, binh chủng ở Việt Nam, tham quan một số đơn vị quân sự ở địa phương.	10	10	40 Z05003 (2)
16. A05013	Thực hành văn bản tiếng Việt	Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết khái quát về văn bản tiếng Việt ở cấp độ cao nhất là văn bản; tập trung hướng dẫn sinh viên rèn luyện ngôn ngữ, phương pháp tiếp nhận, tạo lập một văn bản khoa học thông qua việc thực hiện hệ thống bài tập thực hành để rèn luyện ngôn ngữ; đồng thời giáo dục cho SV thái độ yêu và trân trọng tiếng mẹ đẻ; hình thành, phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát Chủ đề; kỹ năng trình bày một ngôn bản/Chủ đề khoa học, đáp ứng yêu cầu học tập nghiên cứu.	30	0	60
17. B06042	Giao dịch thương mại quốc tế	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ tổ chức thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu hàng hóa liên quan đến các hoạt động khác như thanh toán quốc tế, thuê tàu, mua bảo hiểm, soạn thảo hợp đồng, lập bộ chứng từ, hoạch định và tổ chức thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu. Người học cũng sẽ được tiếp cận các vấn đề mới nhất về lĩnh vực xuất khẩu lao động. Ngoài ra, học phần còn giúp người học nắm được nội dung cốt lõi của các tập quán trong thương mại quốc tế.	30	0	60
18. H06001	Sinh thái học môi trường	Học phần: xác định vai trò của sinh thái học môi trường; phân tích mối liên hệ giữa sinh vật với môi trường, các nguyên nhân chính gây mất đa dạng sinh học, gây suy thoái môi trường; phân biệt các loại chỉ thị sinh học; đất, nước, không khí, và diễn thể	30	0	60

		nguyên sinh & diễn thế thứ sinh; mối quan hệ giữa suy thoái môi trường & diễn thế sinh thái,các Chủ đề về môi trường đất, môi trường nước tại Việt Nam; xác định vai trò, đặc điểm của hệ sinh thái đô thị, đô thị sinh thái;xác định vai trò, đặc điểm của hệ sinh thái môi trường nông thôn; phân tích các chủ đề môi trường nông thôn; phân biệt các phân vùng sinh thái nông nghiệp Việt Nam.			
19. A05015	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Học phần cung cấp cho sinh viên những Chủ đề khái quát về văn hóa, diễn trình, các phân vùng và đặc điểm Văn hóa Việt Nam trên các lĩnh vực; nhằm giáo dục ý thức giữ gìn phát huy những tinh hoa văn hóa dân tộc, có bản lĩnh vững vàng khi tiếp biến giao lưu với bên ngoài.	30	0	60
20. F05007	Tiếng Trung 1	Học phần trang bị những kiến thức căn bản giúp sinh viên phát âm chuẩn các nguyên âm, phụ âm và nắm vững cơ bản về ngữ âm tiếng Trung Quốc, nắm vững các nét quy tắc viết các nét chữ Hán và vận hành trong viết chữ Hán; nhớ và vận dụng được khoảng 150 từ vựng; thành thạo một số ngữ pháp cơ bản trong tiếng Trung Quốc.	30	0	60
21. F05008	Tiếng Pháp 1	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng giao tiếp với những chủ điểm quen thuộc. Thông qua những bài học, sinh viên có thể tự tin trong những tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày khi tiếp xúc với người nói tiếng Pháp. Ngoài ra, người học còn được trang bị một số kiến thức về văn hóa Pháp.	30	0	60
22. F05009	Tiếng Nga 1		30	0	60
23. F05018	Tiếng Trung 2	Ở học phần này, sinh viên được luyện tập và củng cố ngữ âm, chú trọng luyện ngữ điệu, ngữ khí và trọng âm. Thông qua giảng luyện bài khoá và mẫu câu đơn giản, sinh viên được bồi dưỡng những kỹ năng ngôn ngữ về nghe nói đọc viết trong giai đoạn đầu, được bồi dưỡng thêm một lượng từ vựng, câu đơn giản, đọc thành thạo các từ ngữ, câu có phiên âm đi kèm, trau dồi	30	0	60
					F05007

		thêm một số quy tắc ngữ pháp cơ bản trong tiếng Trung Quốc, được giới thiệu một lượng thích hợp kiến thức về văn hoá, đất nước con người Trung Quốc, nhằm giảm bớt trở ngại văn hoá trong việc học tiếng Trung Quốc.				
24. F05019	Tiếng Pháp 2	Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu hơn học phần 1 về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng giao tiếp với những chủ điểm quen thuộc; thông qua các tình huống trong chương trình, người học có thể giao tiếp được trong một chừng mực nhất định khi gặp các tình huống tương tự. Người học còn được trang bị những kiến thức về đất nước học để có thể trao đổi một cách thoải mái.	30	0	60	F05008
25.F05020	Tiếng Nga 2		30	0	60	F05009
26. F25004	Tiếng Trung 3	Ở học phần này, sinh viên: được bồi dưỡng những kỹ năng ngôn ngữ về nghe nói đọc viết ở giai đoạn tiền trung cấp; đọc và biểu diễn những đoạn văn gần gũi đời sống, học tập, làm việc... trong cuộc sống hàng ngày; được giới thiệu nhiều hơn về kiến thức văn hoá, đất nước con người Trung Quốc, nhằm làm cho việc học tiếng Trung Quốc trở nên thú vị hơn.	30	0	60	F05018
27. F25005	Tiếng Pháp 3	Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu hơn học phần 2 về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng giao tiếp với những chủ điểm quen thuộc, đặc biệt là việc kể lại các sự kiện trong quá khứ cũng như đi vào thế giới của công việc. Thông qua các tình huống trong chương trình, người học có thể giao tiếp được trong một chừng mực nhất định khi gặp các tình huống tương tự với những người nói tiếng Pháp.	30	0	60	F05019
28. F25006	Tiếng Nga 3		30	0	60	F05020

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

2.1. Kiến thức cơ sở ngành

29. F06001	Nghe 1A	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: nghe đoán trước nội	30	0	60	
------------	---------	--	----	---	----	--

		dung/chủ đề, nghe ý chính, ý chi tiết, nghe cách diễn đạt ý kiến của người nói để hiểu thái độ người nói, nghe ngữ điệu để biết được thái độ của người nói; nghe và hiểu được mối quan hệ nguyên nhân và kết quả của các ý trong bài nói; nghe hiểu bối cảnh của bài thuyết trình để hoàn thành bài tóm tắt.		
30. F06002	Đọc 1A	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có thể: đọc lấy ý chính và ý chi tiết. Sử dụng phần giải thích bên dưới trang để giúp hiểu bài tốt hơn; đọc và nhận diện các loại bài đọc khác nhau; nhận ra ý hỗ trợ để giúp hiểu bài đọc, hiểu nghĩa của từ trong ngữ cảnh; đọc biểu bảng để nắm thông tin khi đọc; đọc lướt để lấy ý chính; sử dụng biểu bảng để so sánh thông tin bài đọc.	30	0 60
31. F06003	Nói 1A	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể sử dụng những từ được lập lại hoặc những từ nhận biết nội dung chính của bài thuyết trình, thực hành thảo luận nhóm để tìm ra giải pháp cho một vấn đề cụ thể., thực hành đóng vai trong một buổi thảo luận của một trường học trong việc đưa ra quyết định về vấn đề đồng phục của sinh viên; sử dụng những từ như “example; instance” để hỏi hoặc cho ví dụ chứng minh một vấn đề cụ thể; miêu tả một nơi nào đó sao cho người khác có thể hình dung ra được nơi đó như thế nào.	30	0 60
32. F06031	Ngữ pháp I	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: hiểu rõ tầm quan trọng của việc nhận biết từ loại trong tiếng Anh; phân biệt được các loại từ dựa trên câu tạo từ; phức năng của từng từ loại và cách hình thành từng từ loại; sử dụng đúng tất cả các từ loại dựa theo chức năng của chúng; sử dụng thì trong tiếng Anh và sử dụng đúng thì trong tiếng Anh,	30	0 60
33. F06005	Ngữ âm thực hành	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: nhận biết các nguyên âm và phát âm đúng các nguyên âm trong trong	30	0 60

		từ; nhận biết các phụ âm và phát âm đúng các phụ âm trong trong từ; phát âm đúng những phụ âm bắt đầu và đứng cuối âm tiết hoặc từ; nhận biết được các trường hợp phát âm của âm “s” và “ed” ở cuối âm tiết. Thông qua thực hành đọc nhấn trọng âm trong những từ có hai âm tiết, từ ghép và từ có nhiều âm tiết, sinh viên nhận ra quy luật cơ bản trong việc nhấn âm trong từ, nhấn âm đúng những từ chính trong câu, các đại từ, mạo từ, hình thức rút gọn và biết cách phát kết hợp từ phía trước và phía sau trong câu.		
34. F06032	Ngữ pháp 2	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: sử dụng đúng thể bị động, nhận diện thì trong câu để chuyển đổi câu, nhận diện câu chủ động, bị động, biết khi nào nên dùng thể bị động; nhận diện được các dạng câu tường thuật và sử dụng đúng từng dạng; sử dụng đúng đảo ngữ khi cần thiết, biết mục đích của việc dùng lối đảo ngữ; sử dụng đúng câu điều kiện, câu ao ước; sử dụng đúng thể truyền khiến trong Tiếng Anh; nhận dạng đúng loại động từ để sử dụng đúng câu hỏi đuôi; sử dụng đúng các loại so sánh (hơn, nhất, bằng, không bằng, kép, liền dối) dùng với tính từ và trạng từ.; sử dụng đúng quy luật hòa hợp chủ ngữ - động từ.	30	0 60 F06031
35. F06007	Nói 1B	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có: kỹ năng ghi chú chuẩn bị thuyết trình hoặc thảo luận nhóm, kỹ năng xin làm rõ và làm rõ ý muốn nói, kỹ năng thuyết trình ngắn trong 2-3 phút, kỹ năng tóm lược những điều nghe được, kỹ năng tranh luận giải quyết vấn đề, kỹ năng nói giãm lược “will”.. kỹ năng dùng từ ngữ thích hợp để nêu trình tự sự việc, kỹ năng kể chuyện.	30	0 60 F06003
36. F06008	Viết 1	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: biết cách viết câu hoàn chỉnh theo nhiều cấu trúc, nhiều thể khác nhau; nhận dạng được các dạng lỗi sai thường gặp và viết câu đúng; biết cách viết câu không bị sai các lỗi về mẫu câu, loại câu;	30	0 60 F06031

		biết cách viết email, trả lời email và viết các mẫu ghi chú ngắn theo đúng nội dung, hình thức được yêu cầu.			
37. F06009	Nghe 1B	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: nghe và suy luận để hiểu đầy đủ ý người nói, nghe ý kiến để hiểu nội dung đánh giá sách, nghe nhận biết từ ngữ chính xác, nghe lấy thông tin chính và thông tin chi tiết; nghe nguyên nhân và kết quả để hiểu mối liên hệ giữa các ý, nghe nhận biết từ ngữ chính xác, nghe lấy thông tin chính và thông tin chi tiết; nghe ý kiến để hiểu thái độ người nói, nghe từ ngữ chính xác để cải thiện nghe nhận biết từ, nghe lấy thông tin chính và thông tin chi tiết.	30	0	60 F0600
38. F06010	Đọc 1B	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: sử dụng kiến thức nền để phán đoán nội dung bài học và nghĩa của từ mới; đọc lấy ý chính và đọc để tìm ra những ý chi tiết; làm các loại bài tập về đọc lấy ý chính và đọc để tìm ra chi tiết cụ thể như yêu cầu.	30	0	60 F06002
39. F06012	Ngữ pháp 3	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: nhận diện được các loại cụm từ, viết câu không sai lỗi về cụm từ lỏng; có thể viết câu theo các mẫu câu, loại câu đã học, tránh viết câu chưa hoàn chỉnh, biết thể hiện ý của mình qua nhiều mẫu câu, loại câu đa dạng; nhận dạng mệnh đề chính, mệnh đề phụ và viết câu nhiều mệnh đề theo đúng quy tắc hợp thời; biết phân biệt và sử dụng phù hợp các thể trình bày, mệnh lệnh, câu khẩn.	30	0	60 F06032
40. F06213	Viết 2 (business)	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên biết được các vấn đề cơ bản khi viết lý lịch, thư đặt hàng thông báo, báo cáo; biết cách theo văn phong trang trọng đúng hình thức, dùng đúng thuật ngữ lĩnh vực thương mại và nêu đúng nội dung cần diễn đạt; biết xác định nội dung cần thiết, liên quan để viết đúng hình thức và thể loại cần viết; biết chuẩn bị ý và sắp xếp ý trước khi viết đồng thời biết kiểm tra lỗi sai và chỉnh sửa.	30	0	60 F06008

41. F06014	Nói 2A	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: cân đối hoạt động nói giữa các thành viên trong hoạt động thuyết trình, thảo luận, giao tiếp; vận dụng ngôn ngữ đưa ra lời khuyên phù hợp tình huống; khéo léo phân tích, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề; linh hoạt trong việc tìm và giải thích nguyên nhân hình thành vấn đề; tự tin lập kế hoạch, tổ chức và điều khiển hoạt động thảo luận vấn đề.	30	0	60	F06007
42. F06015	Nghe 2A	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có: kỹ năng nghe và suy luận để hiểu đầy đủ ý người nói, nghe ý kiến để hiểu nội dung đánh giá sách, nghe nhận biết từ ngữ chính xác, nghe lấy thông tin chính và thông tin chi tiết. Kỹ năng nghe nguyên nhân và kết quả để hiểu mối liên hệ giữa các ý, nghe nhận biết từ ngữ chính xác, nghe lấy thông tin chính và thông tin chi tiết. Kỹ năng nghe ý kiến để hiểu thái độ người nói, nghe từ ngữ chính xác để cải thiện nghe nhận biết từ, nghe lấy thông tin chính và thông tin chi tiết.	30	0	60	F06009
43. F06016	Đọc 2A	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được: kỹ năng đọc hiểu lấy ý chính; đoán nội dung theo tiêu đề, đoán nghĩa từ của bài đọc; đọc để tìm ra những thông tin chi tiết; phán đoán nghĩa của từ mới xuất hiện trong bài đọc; tổng hợp thông tin và lựa chọn thông tin phù hợp theo yêu cầu.	30	0	60	F06010
44. F06017	Nói 2B	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: liên kết kiến thức của bản thân với chủ đề bài học bằng nhiều nguồn thông tin; nhận định, đánh giá các thế mạnh và hạn chế của một số vấn đề và liên hệ thực tế bản thân; khéo léo phân tích, đánh giá thực tế các điểm tích cực và hạn chế theo chuẩn mực được đặt ra; hình thành thói quen tự phân tích, đánh giá thái độ về quan điểm tiền bạc và hạnh phúc;	30	0	60	F06014
45. F06218	Viết 3 (business)	Sau khi hoàn thành học phần này, Sinh viên có thể: Nhận dạng được loại biểu đồ. Có thể sử dụng mô tả những thay đổi	30	0	60	F06213

			và kết quả, hậu quả. Có thể sử dụng từ quá khứ trong mô tả biểu đồ. Có thể mô tả những quy trình hoạt động của máy móc, chu kỳ và tiến trình. Có thể viết đoạn văn mở đầu, câu mô tả chung và các câu mô tả chi tiết trong đoạn thân bài và câu kết luận. Có thể biết các loại bài luận phỏ biến, lập dàn ý cho 1 bài luận. Có thể viết từng phần trong cấu trúc tổng quát của 1 bài luận. Có thể viết các loại bài luận so sánh/ tương phản. Có thể viết 1 bài luận về thuận lợi và bất lợi				
46. F06019	Nghe 2B		Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có: kỹ năng nghe để phân biệt ý kiến và dữ kiện, nghe động từ tình thái để nhận biết mệnh lệnh, điêu cẩm và đề nghị, nghe ngữ điệu để phân biệt câu kề và câu hỏi, nghe nhận biết từ ngữ chính xác nghe lấy thông tin chính và thông tin chi tiết; kỹ năng nghe con số để định lượng chính xác, nghe nhận biết từ ngữ chính xác, nghe lấy thông tin chính và thông tin chi tiết.	30	0	60	F06015
47. F06020	Đọc 2B		Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: củng cố lại các kỹ năng đọc cơ bản đã học ở kỹ năng đọc 1A, 1B, 2A; khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc; đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh; phân biệt giữa sự thật và ý kiến chủ quan; phát triển các kỹ năng đọc nâng cao để có kỹ năng làm bài thi môn đọc của IELTS.	30	0	60	F06016
48. F06022	Nói 3A		Sau khi hoàn thành học phần Nói 3A, sinh viên có thể phát triển các kỹ năng sau: sử dụng các từ lặp lại và tín hiệu để thu hút sự chú ý đến các ý tưởng chính, thảo luận bài đọc với các thành viên nhóm để phân tích các điểm của tác giả, ghi chép để chuẩn bị cho bài thuyết trình hoặc thảo luận nhóm, xác nhận bạn hiểu những gì người khác đã nói và cho người khác lời khuyên để giúp xử lý một tình huống khó.	30	0	60	F06017

49. F06023	Nghe 3A	Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể: phân biệt những vấn đề được nhấn mạnh để xác định được từ khoá trong bài thuyết trình., nghe được kết quả của 1 nghiên cứu để hiểu những minh chứng, nghe được ý chính và ý chi tiết của một bài báo cáo về lĩnh vực quản trị kinh doanh, 1 bài thuyết trình về quản lý nguồn nhân lực, hiểu được nghĩa của một từ dựa vào ngữ cảnh. Đồng thời học phần còn giúp người học xác định được thông tin mới và thông tin đã biết trước đó để tập trung nghe những chi tiết quan trọng, có thể xác định được thông tin mới và thông tin đã biết trước đó để tập trung nghe những chi tiết quan trọng.	30	0	60	F06019
50. F06024	Đọc 3A	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể: đọc lấy ý chính và ý chi tiết, sử dụng phần giải thích bên dưới trang để giúp hiểu bài tốt hơn, đọc và nhận diện các loại bài đọc khác nhau, diễn vào bảng để nắm được ý chính, đọc tiêu đề phụ để đoán trước nội dung bài đọc, suy luận để hiểu bài đọc tốt hơn, viết ghi chú và tô sáng để tìm ý quan trọng, tìm thông tin chi tiết để để hiểu bài đọc tốt hơn, hiểu được mục đích và các cách tổ chức bài đọc để có khả năng phê bình khi đọc và dùng bảng đối chiếu để tìm ra sự giống và khác nhau.	30	0	60	F06020
51. F06025	Nói 3B	Sau khi hoàn thành học phần Nói 3B, người học có thể phát triển các kỹ năng: thể hiện hứng thú trong cuộc trò chuyện để khuyến khích người nói tiếp tục, tăng ngữ điệu để thể hiện thái độ và mục đích, ghi chép để chuẩn bị cho bài thuyết trình hoặc thảo luận nhóm, thay đổi chủ đề để làm cuộc nói tốt đẹp, dùng câu điều kiện thực tế và không thực tế để suy đoán khả năng, sử dụng câu hỏi để duy trì sự chú ý của người nghe.	30	0	60	F06022
52. F06026	Nghe 3B	Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể: nghe được những ví dụ để hiểu rõ những lời phát biểu mang tính tổng quát, dự đoán được thông tin bài nghe, nghe được ý chính và ý chi tiết của	30	0	60	F06023

			một bài bản tin trên radio về lĩnh vực dinh dưỡng, 1 bản tin về nông nghiệp và di truyền học, nghe được sự đối lập để hiểu mối quan hệ của những ý kiến trái ngược nhau, nghe những từ hoặc cụm từ cụ thể để hoàn thành bản chép lại.		
53. F06027	Đọc 3B		Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể: đọc lấy ý chính và ý chi tiết, nhận ra ý của tác giả nghiêng về hướng nào để đánh giá đúng ý của học, đọc và nhận diện được các loại bài đọc khác nhau, diễn vào bảng để nắm được ý chính, tìm được ý chi tiết trong bài đọc, dùng sườn bài để hiểu bài đọc được kết cấu như thế nào giúp học tốt hơn, sử dụng phần giải thích bên dưới trang để giúp hiểu bài tốt hơn, hiểu được mục đích sử dụng của các câu nói trong ngoặc kép, phân biệt sự kiện và ý kiến, tìm ra được nguồn gốc thông tin, ghi chú trong bài đọc dạng kể chuyện và nhận ra ý không tán thành hay ý bác bỏ để đánh giá ý được nêu trong bài đọc.	30	0 60 F0602

2.2. Kiến thức ngành

54. F07205	Tổng quan về kinh tế thương mại	Học phần cung cấp các từ ngữ, thuật ngữ, các thành ngữ cơ bản và chuyên ngành bằng tiếng Anh sử dụng trong các lĩnh vực kinh doanh, tổ chức doanh nghiệp, quản lý doanh nghiệp và nhân sự, đạo đức và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, môi trường kinh tế, con người trong kinh doanh, marketing, tài chính; Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể nắm được và có khả năng diễn đạt lại các kiến thức cơ bản về các lĩnh vực đó, vận dụng vào một số tình huống kinh doanh đơn giản.	30	0	60
55. F07206	Ngôn ngữ kinh tế thương mại 1	Sau khi học xong học phần tiếng Anh Thương mại 1, sinh viên có khả năng: giao tiếp được bằng tiếng Anh về những vấn đề liên quan đến các chủ đề như: Nghề nghiệp (Careers), Bán hàng trên mạng (Selling online), Công ty (Companies), Những ý tưởng tuyệt vời (Great ideas) và căng thẳng (stress).	30	0	60

			Nghe, nói, đọc và viết về các chủ đề trên một cách hiệu quả, đạt được mục đích giao tiếp.			
56. F07207	Ngôn ngữ kinh tế thương mại 2	Sau khi học xong học phần tiếng Anh Thương mại 2, sinh viên có khả năng: giao tiếp được bằng tiếng Anh về những vấn đề liên quan đến các chủ đề như: Nhãn hàng (Brands), quảng cáo (Advertising), Việc làm (Employment), Sự lãnh đạo (Leadership), Sự cách tân (Innovation) và Sự cạnh tranh (Competition); nghe, nói, đọc và viết về các chủ đề trên một cách hiệu quả, đạt được mục đích giao tiếp.	30	0	60	F07206
57. F07208	Nguyên lý Marketing	Học phần giúp sinh viên nắm bắt những khái niệm marketing căn bản; các bước trong quy trình marketing, từ xây dựng chiến lược đến các chương trình marketing và thực thi chương trình và kế hoạch marketing đã đề ra; kết hợp lý thuyết và nghiên cứu tình huống marketing.	30	0	60	
58. F07005	Lý Thuyết Dịch	Học phần cung cấp cho người học các loại hình dịch thuật, sự khác biệt cơ bản của biên dịch và phiên dịch, nguyên tắc xác định loại hình dịch, các vấn đề về tương đương, mất và được trong dịch thuật, tình trạng không thể dịch, các phương pháp dịch thuật căn bản và các nguyên tắc căn bản liên quan đến dịch thuật. Qua đó người học có thể vận dụng cho quá trình dịch thuật.	30	0	60	F06218
59. F07008	Cú pháp và ngữ nghĩa học	Học phần cung cấp cho các khái niệm của cú pháp học; giúp người học nắm được các loại văn phạm và đặc điểm của từng loại trong tiếng Anh, định nghĩa mệnh đề, cấu trúc của mệnh đề, phân loại được các loại mệnh đề trong tiếng Anh và nêu đặc tính của từng loại, định nghĩa cụm từ; cấu trúc và đặc điểm của các cụm từ, quy tắc thay đổi các thành phần trong câu hoặc cụm. Học phần giúp người học giải thích được những khái niệm cơ bản về ngữ nghĩa học, liệt kê ra các trường ngữ nghĩa của	30	0	60	F06218

		đối tượng từ vựng nào đó (semantic fields);			
60. F27228	Biên phiên dịch 1 (Thương mại)	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể dịch đúng nội dung, ngữ pháp và văn phong từ Tiếng Sau khi hoàn thành học phần biên phiên dịch thương mại 1, sinh viên hiểu được và có vốn kiến thức về: kỹ thuật ghi chú, những nguyên tắc và lưu ý trong biên phiên dịch, những lỗi thường gặp trong biên phiên dịch thương mại, thực hành biên phiên dịch trong những tình huống mua sắm trong siêu thị, thực hành biên phiên dịch trong những tình huống đàm phán thương mại, thực hành biên phiên dịch trong những tình huống ký kết hợp đồng thương mại, kiến thức về các vấn đề trong biên phiên dịch thương mại, thực hành biên phiên dịch trong phát triển sản phẩm.	30	0	60 F0700
61. F27218	Bảo hiểm trong kinh doanh	Sinh viên nắm được kiến thức tổng quan của bảo hiểm và tái bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm như là định nghĩa, lịch sử ra đời và phát triển, phân loại, vai trò và lợi ích, nội dung của hợp đồng bảo hiểm, nắm được cách xử lý thông tin sản phẩm trước và sau khi hợp đồng, đồng thời nắm được các chính sách bảo vệ sản phẩm của công ty. Ngoài ra sinh viên cũng nắm được các rủi ro trong hợp đồng bảo hiểm.	30	0	60
62. F27229	Biên phiên dịch 2 (Thương mại)	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể dịch đúng nội dung, ngữ pháp và văn phong từ Tiếng Anh sang Tiếng Việt và ngược lại về lĩnh vực thương mại; biết dịch đúng cụm từ, biết kết hợp từ đúng và dịch đúng thuật ngữ chuyên ngành; Sinh viên nắm được cách phiên dịch trong thương mại và có tăng cường vốn từ vựng về các vấn đề như: vai trò của phiên dịch viên trong các tình huống thương mại, chia sẻ của doanh nhân thành đạt quốc tế, chia sẻ của doanh nhân thành đạt Việt Nam, các tình huống thương thuyết và giới thiệu sản phẩm. Sau khi hoàn thành học phần Phiên dịch thương mại 2, sinh viên có khả năng tiếp thu mở rộng trực giác về ngôn ngữ tốt,	30	0	60 F27228

		có được khả năng ứng phó tinh huống nhanh, ra quyết định chính xác và quyết đoán, kỹ năng phiên dịch để chuyển tải một cách trung thực và chuyên nghiệp nội dung của thông điệp mà người nói muốn chuyển tải.			
63. F27221	Logistics và vận tải quốc tế	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể: nêu khái quát được về logistics quốc tế và giải thích được vai trò của logistics quốc tế, quản trị chuỗi cung ứng quốc tế trong hoạt động thương mại toàn cầu; phân loại được các hình thức vận tải quốc tế, vấn đề đóng gói, bảo hiểm, thủ tục hải quan và an ninh trong hoạt động logistics quốc tế; thực hành các bài tập tinh huống liên quan đến quy cách đóng gói hàng hóa, các hình thức vận tải và bảo hiểm quốc tế; cs những hiểu biết về kiến thức liên quan đến các chủ đề logistics quốc tế và quản trị chuỗi cung ứng quốc tế.	30	0	60
64. F27222	Quản trị nhân sự	Học phần giúp người học: nắm bắt những kiến thức cơ bản về công tác quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, giúp sinh viên có một cái nhìn tổng thể về hoạt động quản trị nguồn nhân lực; thấy được tầm quan trọng và vai trò của quản trị nhân lực đối với doanh nghiệp, đặc biệt là trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt như hiện nay.	30	0	60
65. F27223	Tuyển dụng và phát triển	Mối quan hệ giữa quản trị nhân sự và công tác tổ chức nhân sự (tổ chức cán bộ) trong các cơ quan, tổ chức. Những nội dung chính của hoạt động quản trị nhân sự trong hoạt động của cơ quan, tổ chức. Mối quan hệ giữa quản trị nhân sự và các hoạt động khác (tổ chức lao động khoa học, tổ chức quản trị cơ quan hay cơ quan, tổ chức, quản trị hành chính văn phòng...) trong các cơ quan, tổ chức. Vai trò, chức năng nhiệm vụ, tiêu chuẩn cần có và những kỹ năng chuyên nghiệp của người làm công tác quản trị nhân sự.	30	0	60

66. F27224	Nghệ thuật lãnh đạo	Học phần giúp sinh viên: nắm vững các các mô hình lãnh đạo trong các tổ chức ; nắm được các yếu tố tác động đến vai trò lãnh đạo và cách giải quyết.	30	0	60	
67. F27226	Quan hệ lao động	Học phần cung cấp những kiến thức về mối quan hệ giữa người sử dụng lao động - người lao động - Nhà nước. Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận về các vấn đề như: cơ chế 3 bên, cơ chế 2 bên, thương lượng trong quan hệ lao động, giải quyết tranh chấp lao động, đình công... và thực tiễn mối quan hệ lao động ở Việt Nam để quan lý và điều chỉnh quan hệ lao động phù hợp với thực tiễn và có hiệu quả. ^[SEPV]	30	0	60	
68. F27227	Phát triển kỹ năng	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể tổ chức được quy trình tiếp khách hàng, đặc biệt giải quyết hiệu quả những tình huống khách hàng giận dữ; so sánh và nhận diện được những tương quan giữa người với người trong mối quan hệ với bạn bè, đồng nghiệp; nhận diện được những tín hiệu xung đột, phân tích các nguyên nhân và lên kế hoạch giải quyết phù hợp với từng tình huống xung đột trong công việc và cuộc sống; ghi nhớ những nguyên tắc và yêu cầu trong các loại hình văn bản viết trong lĩnh vực thương mại; xây dựng được một bài thuyết trình hoàn chỉnh và thiết kế một bài báo cáo , nhận biết, so sánh được đối tượng người nghe để tạo sự quan tâm và khơi dậy hứng thú của người nghe với chủ đề.	30	0	60	
69. F07015	Văn học Anh – Mỹ	Học phần giúp người học nắm vững được sơ lược lịch sử văn học, các tác giả, nội dung của các tác phẩm văn học và diện ảnh tiêu biểu chọn lọc từ văn học Anh và văn học Mỹ; nắm vững các phong cách viết văn của nhiều tác giả; nâng cao hiểu biết về các nét văn hóa ẩn chứa trong các tác phẩm văn chương, khả năng tự duy đọc và đồng cảm với các nhân vật để xây dựng quan điểm riêng của người học, khả năng cảm thụ văn học.	30	0	60	F06218

70. F07016	Văn hóa Anh – Mỹ	Học phần trình bày đặc điểm về đất nước và con người Anh và Mỹ; giúp người học đổi sánh để tìm ra những nét chung và riêng giữa đất nước, con người Anh và Mỹ, hệ thống chính trị, đặc điểm kinh tế, xã hội, tín ngưỡng và lễ hội ở Anh, Mỹ; giúp người học thấy được ảnh hưởng của kinh tế đối với xã hội Anh, Mỹ và thế giới, hệ thống giáo dục, vai trò và tác động của giáo dục đến sự thành công trong cuộc sống.	30	0	60	F06218
71. F27004	Dẫn luận ngôn ngữ học	Nắm vững được sơ lược về bản chất của Ngôn ngữ và các khái niệm liên quan đến Ngôn ngữ. Nắm vững các thành tố liên quan đến ngữ pháp tiếng Anh; các đặc điểm xã hội của ngôn ngữ; các đặc điểm sinh học của ngôn ngữ.	30	0	60	
72. F07120	Ngoại khóa Tiếng Anh	Học phần giúp sv có cơ hội cọ xát với thực tế đối với các lĩnh vực như: các nghiệp vụ kinh doanh, xuất nhập khẩu, thương mại điện tử; các kỹ năng và nghiệp vụ văn phòng có sử dụng tiếng Anh; văn hóa kinh doanh và văn hóa giao tiếp trong kinh doanh; quản lý nguồn nhân lực tại các tổ chức và doanh nghiệp có lao động và chuyên gia nước ngoài; phân tích nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ ngoại ngữ cao tại các doanh nghiệp nước ngoài hoặc có vốn đầu tư nước ngoài; phân tích cấu trúc ngôn ngữ và thuật ngữ các văn bản và biểu mẫu tiếng Anh các ngành kinh doanh; phân tích ngôn ngữ và thuật ngữ các văn bản báo chí truyền thông; phân tích việc học thuật Anh-Việt; Việt-Anh đối với các văn bản thương mại.	0	15	30	F06213

2.3. Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương

73. F27225	Khóa luận tốt nghiệp (Thương mại)	Học phần tạo điều kiện cho người học có cơ hội nâng cao các khái kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học như: giúp người học hệ thống hóa các kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài khóa luận	0	12	0	0
------------	-----------------------------------	--	---	----	---	---

		tốt nghiệp một cách có khoa học và sáng tạo; rèn luyện và nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo; rèn luyện cho người học tính tự vận động, độc lập trong nghiên cứu và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học.			
74. F27001	Phương pháp nghiên cứu khoa học Anh văn	Học phần giới thiệu các định nghĩa nghiên cứu khoa học, đặc biệt là nghiên cứu ngôn ngữ và xã hội. Học phần giúp người học xác định được các loại nghiên cứu học và nhận thức được các quy định về đạo đức trong nghiên cứu; xác định và phân tích được những thành phần quan trọng trong một bài nghiên cứu khoa học (vấn đề nghiên cứu, mục tiêu, câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu và kết luận), từ đó chỉ ra được những điểm mạnh và hạn chế của bài nghiên cứu; biết và thực hiện được các bước quan trọng khi thực hiện một nghiên cứu khoa học; xác định được một đề tài nghiên cứu có liên quan đến chuyên ngành và viết đề cương nghiên cứu cho đề tài đã chọn.	30	0	60
75. F27213	Thanh toán quốc tế	Học phần giúp sinh viên nắm vững các kiến thức lý giá hối đoái, về các loại tiền tệ trong thanh toán quốc tế, về các phương tiện thanh toán quốc tế phổ biến trên thế giới, các phương thức thanh toán quốc tế được áp dụng trong các giao dịch thương mại quốc tế; nắm vững các kiến thức về các tiêu chuẩn ngân hàng quốc tế trong việc soạn thảo và kiểm tra các chứng từ liên quan đến nghiệp vụ thanh toán.	45	0	90 F07005
76. F27214	Quan hệ kinh doanh quốc tế	Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về quản trị kinh doanh quốc tế, các phương thức kinh doanh quốc tế, ảnh hưởng của hoạt động kinh doanh quốc tế đối với nền kinh tế của một nước cũng như nền kinh tế, giúp sinh viên nắm vững các hoạt động kinh doanh quốc tế ảnh hưởng của toàn cầu hoá, cũng như những cơ hội và thách thức do toàn cầu hoá tạo	45	0	90 F07005

		nên mà các quốc gia cũng như doanh nghiệp sẽ gặp phải.			
77.F27215	Tài chính	Học phần cung cấp các kiến thức về: Hoạt động của thị trường tài chính; Hình thức và ý nghĩa của các báo cáo tài chính cơ bản: bảng cân đối tài sản, bảng báo cáo thu nhập, bảng báo cáo luân chuyển tiền mặt; Các phương pháp đánh giá hoạt động tài chính doanh nghiệp; quản lý dự án đầu tư dài hạn; hai loại chứng khoán dài hạn cơ bản: cổ phiếu và trái phiếu; quản lý tiền mặt trong doanh nghiệp và các khái niệm trong đầu tư ngắn hạn.	30	0	60
78. F27216	Kinh tế quốc tế	Học phần giúp sinh viên: nắm vững các từ ngữ, thuật ngữ, các thành ngữ cơ bản và chuyên ngành bằng tiếng Anh sử dụng trong các lĩnh vực kinh doanh, tổ chức doanh nghiệp, quản lý doanh nghiệp và nhân sự, đạo đức và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, môi trường kinh tế, con người trong kinh doanh, marketing, tài chính; nắm được và có khả năng diễn đạt lại các kiến thức cơ bản về các lĩnh vực đó, vận dụng vào một số tình huống kinh doanh đơn giản.	30	0	60

8. Hướng dẫn thực hiện:

Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh thương mại của Trường Đại học Kiên Giang được xây dựng căn cứ Theo Thông tư 22/2017/TT-BGDDĐT ngày 06 tháng 09 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 277/QĐ-ĐHKG ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Khối lượng kiến thức của khoá học 4 năm là 120 tín chỉ (Không tính các học phần GDTC và GDQP) được phân bổ trong 8 học kỳ. Kế hoạch giảng dạy được dự kiến như sau:

Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ	STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	ĐK tiên quyết
1 21TC	Học phần bắt buộc				
	1	A05001	Những NLCB của CN Mác – Lênin 1	2	
	2	B06002	Kinh tế vĩ mô	3	
	3	G05097	Tin học cơ sở	3	
	4	A05008	Giáo dục thể chất 1	1	
	5	Z05001	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
	6	F06001	Nghe 1A	2	
	7	F06002	Đọc 1A	2	
	8	F06003	Nói 1A	2	
	9	F06031	Ngữ pháp 1	2	
	10	F06005	Ngữ âm thực hành	2	
2 21TC	Học phần bắt buộc				
	1	A05002	Những NLCB của CN Mác – Lênin 2	3	Những NLCB của CN Mác – Lênin 1
	2	B06001	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vĩ mô
	3	A05009	Giáo dục thể chất 2	1	Giáo dục thể chất 1
	4	Z05002	Công tác quốc phòng và an ninh	2	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam
	5	F06032	Ngữ pháp 2	2	Ngữ pháp 1
	6	F06007	Nói 1B	2	Nói 1A
	7	F06008	Viết I	2	Ngữ pháp 1
	8	F06009	Nghe 1B	2	Nghe 1A
	9	F06010	Đọc 1B	2	Đọc 1A
Học phần tự chọn(SV chọn 1 HP)					

	10	A05013	Thực hành văn bản tiếng Việt (2 TC)	2	
	11	B06042	Giao dịch thương mại quốc tế (2 TC)		
	12	H06001	Sinh thái học môi trường (2 TC)		
	13	A05015	Cơ sở văn hoá Việt Nam (2 TC)		
3 16TC	Học phần bắt buộc				
	1	A05003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Những NLCB của CN Mác – Lênin 2
	2	A05010	Giáo dục thể chất 3	1	Giáo dục thể chất 2
	3	Z05003	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn	3	Công tác quốc phòng và an ninh
	4	F06012	Ngữ pháp 3	2	Ngữ pháp 2
	5	F06213	Viết 2 (business)	2	Viết 1
	6	F06014	Nói 2A	2	Nói 1B
	7	F06015	Nghe 2A	2	Nghe 1B
	8	F06016	Đọc 2A	2	Đọc 1B
	Học phần bắt buộc				
4 16TC	1	A05004	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh
	2	F06017	Nói 2B	2	Nói 2A
	3	F06218	Viết 3 (business)	2	Viết 2 (business)
	4	F06019	Nghe 2B	2	Nghe 2A
	5	Z05004	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	1	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn
	6	F07205	Tổng quan về kinh tế thương mại	2	
	7	F06020	Đọc 2B	2	Đọc 2A
	Học phần tự chọn(SV chọn 1 HP)				
	8	F05007	Tiếng Trung 1	2	
	9	F05008	Tiếng Pháp 1		

	10	F05009	Tiếng Nga 1		
Học phần bắt buộc					
	1	F06022	Nói 3A	2	Nói 2B
	2	F06023	Nghe 3A	2	Nghe 2B
	3	F06024	Đọc 3A	2	Đọc 2B
	4	F07005	Lý Thuyết Dịch	2	Viết 3 (business)
5 16TC	5	F07206	Ngôn ngữ kinh tế thương mại 1	2	
	6	F07016	Văn hóa Anh – Mỹ	2	Viết 3 (business)
	7	A05005	Pháp luật đại cương	2	
	Học phần tự chọn(SV chọn 1 HP)				
	8	F05018	Tiếng Trung 2	2	Tiếng Trung 1
	9	F05019	Tiếng Pháp 2		Tiếng Pháp 1
	10	F05020	Tiếng Nga 2		Tiếng Nga 1
Học phần bắt buộc					
6 16TC	1	F06025	Nói 3B	2	Nói 3A
	2	F06026	Nghe 3B	2	Nghe 3A
	3	F06027	Đọc 3B	2	Đọc 3A
	4	F27228	Biên phiên dịch 1 (thương mại)	2	Lý Thuyết Dịch
	5	F07207	Ngôn ngữ kinh tế thương mại 2	2	Ngôn ngữ kinh tế thương mại 1
	6	F07015	Văn học Anh – Mỹ	2	Viết 3 (business)
	7	F27004	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	
Học phần tự chọn (SV chọn 1 HP)					
7 15TC	8	F25004	Tiếng Trung 3	2	Tiếng Trung 2
	9	F25005	Tiếng Pháp 3		Tiếng Pháp 2
	10	F25006	Tiếng Nga 3		Tiếng Nga 2
Học phần bắt buộc					
	1	F07120	Ngoại khóa Tiếng Anh	1	Viết 2
	2	F07208	Nguyên lý Marketing	2	
	3	F07008	Cú pháp và ngữ nghĩa học	2	Viết 3 (business)
Học phần tự chọn (SV chọn 5 HP)					

1	F27218	Bảo hiểm trong kinh doanh (2TC)	
2	F27229	Biên phiên dịch 2 (Thương mại) (2TC)	Biên phiên dịch 1 (thương mại)
3	F27221	Logistics và vận tải quốc tế (2TC)	
4	F27222	Quản trị nhân sự (2TC)	
5	F27223	Tuyển dụng và phát triển (2TC)	
6	F27224	Nghệ thuật lãnh đạo (2TC)	
7	F27226	Quan hệ lao động (2TC)	
8	F27227	Phát triển kỹ năng (2TC)	
8 10TC	F27225	Khóa luận tốt nghiệp (8 TC)	
	F27001	Phương pháp nghiên cứu khoa học Anh văn (2TC)	
Hoặc			
1	F27213	Thanh toán quốc tế (3 TC)	Lý thuyết dịch
2	F27214	Quan hệ kinh doanh quốc tế (3 TC)	Lý thuyết dịch
3	F27215	Tài chính (2 TC)	
4	F27216	Kinh tế quốc tế (2 TC)	
		10	

Căn cứ vào chương trình đào tạo sinh viên tham khảo ý kiến của cô vấn học tập để lập kế hoạch học tập cho toàn khóa học cho phù hợp. Trước khi bắt đầu học kỳ, Nhà trường thông báo lịch học dự kiến cho từng ngành, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến, làm căn cứ để sinh viên đăng ký khối lượng học tập.

Ngoài các học phần đã tích lũy, để đạt được mục tiêu tốt nghiệp sinh viên phải tích lũy chứng chỉ kỹ năng mềm, chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học theo quy định của Trường.

Chương trình đào tạo có thể được điều chỉnh theo quy định tại Khoản 1 – Điều 8, Thông tư 22/2017/TT-BGDDT ngày 06 tháng 09 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập.

HIỆU TRƯỞNG



Thái Thành Lượm